

Bản án số: 154/2024/DS-PT

Ngày: 11 - 9 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Phạm Phong Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H3, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Bà Hà Thị D, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H3, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh H1 - Luật sư Công ty TNHH MTV B1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Huỳnh B, sinh năm 1965

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh B: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1965 (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2023).

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H3, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Trần Công K, sinh năm 1965; Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn T, huyện H3, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Đỗ Diễm T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T, huyện

H3, tỉnh Bình Thuận.

4. Bà Kiều Hồng K1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T, huyện H3, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hà Thị D.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có mặt bà Bùi Thị H, bà Hà Thị D, ông Trần Công K và Luật sư Lê Minh H1; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết làm ăn nên vợ chồng bà nhiều lần cho bà Hà Thị D vay tiền, cụ thể: Ngày 14/01/2018, bà Hà Thị D viết giấy mượn 100.000.000 đồng, bà D là người ký tên bên người mượn tiền, bà H đã giao tiền cho bà D, thời hạn mượn tiền là 03 tháng sẽ trả tiền gốc. Ngày 28/01/2018, bà Hà Thị D mượn thêm của vợ chồng bà 50.000.000 đồng, sau khi bà giao tiền thì bà D viết Giấy mượn tiền đề ngày 28/01/2018, thời hạn mượn tiền là 02 tháng sẽ trả tiền gốc. Ngày 15/4/2018, bà Hà Thị D tiếp tục mượn 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 04 tháng sẽ trả tiền gốc, bà D viết giấy mượn tiền đề ngày 15/4/2018. Tổng số tiền bà Hà Thị D vay của vợ chồng bà là 250.000.000 đồng. Số tiền 250.000.000 đồng bà cho bà Hà Thị D vay là tài sản chung của vợ chồng bà nên bà yêu cầu bà D trả số tiền 250.000.000 đồng cho vợ chồng bà. Số tiền bà cho bà Hà Thị D vay, không cho chồng bà D là ông Trần Công K vay, nên bà chỉ yêu cầu cá nhân bà Hà Thị D trả số tiền 250.000.000 đồng này. Về tiền lãi, bà và bà Hà Thị D có thỏa thuận tiền lãi là bà D trả theo mức lãi suất Ngân hàng N, còn cụ thể bao nhiêu phần % thì bà không nhớ, vì số tiền vay từ năm 2018 đến nay. Bà D có tháng trả lãi, cũng có tháng không trả lãi, lúc đưa tiền lãi không ghi giấy tờ nên không nhớ. Mục đích bà D vay để làm việc gì thì bà không biết. Bà không quen biết bà Đỗ Diễm T, bà Kiều Hồng K1, ông T1 và bà T2, nên không cho những người này vay tiền như lời khai của bà D.

Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà 250.000.000 đồng và vợ chồng bà không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hà Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có ký vào các “giấy mượn tiền” đề ngày 14/01/2018, ngày 28/01/2018 và ngày 15/4/2018 với tổng số tiền là 250.000.000 đồng, nhưng số tiền này là bà vay dùm cho người khác, cụ thể: mượn dùm cho bà Đỗ Diễm T 100.000.000 đồng, mượn dùm cho bà Kiều Hồng K1 50.000.000 đồng, bà K1 có đưa cho bà Bùi Thị H một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà K1 đã nhận lại và mượn dùm cho bà T2, ông T1 100.000.000 đồng, bà chỉ nhớ tên ông T1, bà T2, còn cụ thể họ ông T1 và bà T2 thế nào thì bà không biết và nơi cư trú những người này ở đâu bà cũng không biết nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được. Việc bà vay dùm 250.000.000 đồng cho những người này bà có nói với

bà Bùi Thị H nhưng bà không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh về việc bà mượn dùm cho những người này. Số tiền 250.000.000 đồng bà vay dùm không liên quan gì tới chồng của bà là ông Trần Công K, chỉ mình cá nhân bà đứng ra vay dùm. Số tiền 250.000.000 đồng này thì trong đó bà Kiều Hồng K1 và bà Đỗ Diễm T đã trả cho bà Bùi Thị H, còn bà T2 và ông T1 chưa chịu trả. Khi vay tiền, giữa bà và bà H thỏa thuận tiền lãi 30 tức là 100.000.000 đồng sẽ trả 3.000.000 đồng/tháng. Việc thỏa thuận tiền lãi do các bên tự thỏa thuận, còn việc trả tiền lãi do những người bà vay dùm trả tiền lãi cho bà H. Bà không có yêu cầu gì trong việc trả tiền lãi. Nay bà không đồng ý trả 250.000.000 đồng cho vợ chồng bà Bùi Thị H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh B do bà Bùi Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông là chồng của bà H. Số tiền cho bà Hà Thị D vay là tài sản của vợ chồng ông, yêu cầu bà Hà Thị D phải trả số tiền 250.000.000 đồng cho vợ chồng ông. Ông đã ủy quyền cho bà H giải quyết vụ án và được toàn quyền quyết định.

2. Tại bản tự khai ngày 07/9/2023, ông Trần Công K trình bày: Ông là chồng bà Hà Thị D, về việc bà D vay 250.000.000 đồng của bà H, ông không biết. Việc ông trình bày là đúng sự thật, nếu có sai trái ông xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2023 và biên bản đối chất ngày 30/6/2023, bà Kiều Hồng K1 trình bày: Bà có mượn tiền của bà H thông qua bà D, vì bà không biết mượn tiền ai. Do bà không quen biết bà Bùi Thị H nên khi mượn tiền thì bà H đưa tiền cho bà D; Sau đó, bà D ký giấy mượn số tiền 50.000.000 đồng từ bà Bùi Thị H, rồi đưa số tiền 50.000.000 đồng cho bà K1. Khi mượn tiền từ bà H thì bà có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà cho bà H, thông qua bà D. Bà đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà Hà Thị D để bà D trả cho bà H, còn việc bà Hà Thị D đã đưa 50.000.000 để trả cho bà Bùi Thị H chưa thì bà không biết. Bà đã lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2023, bà Đỗ Diễm T khai: Bà T không quen biết gì bà Bùi Thị H và không có mượn tiền 100.000.000 đồng từ bà Bùi Thị H, không biết việc vay tiền giữa bà Hà Thị D và bà Bùi Thị H. Bà chỉ biết bà Hà Thị D và có mượn tiền của bà D 100.000.000 đồng, nhưng bà đã trả cho bà Hà Thị D. Bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án không triệu tập bà tham gia trong quá trình giải quyết vụ án và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị xét xử vắng mặt bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; các Điều 228, 266, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Các Điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H:

Buộc bà Hà Thị D phải có nghĩa vụ trả số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) cho bà Bùi Thị H và ông Huỳnh B.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2024, bà Hà Thị D kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến:

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng vay ngày 15/4/2018, bà Hà Thị D rút kháng cáo, nên không có ý kiến.

Đối với hai khoản vay còn lại, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Hà Thị D trả cho bà Bùi Thị H là không có căn cứ. Vì khoản tiền 50.000.000 đồng bà D vay dùm bà Kiều Hồng K1, chính bà K1 thừa nhận đã trả cho bà H; còn số tiền 100.000.000 đồng vay dùm cho bà Đỗ Diễm T, bà D cũng đã trả cho bà H, nhưng do chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên khi trả đã không làm giấy tờ trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Bùi Thị H đối với hai khoản vay ngày 14/01/2018 và 28/01/2018.

- Bị đơn bà Hà Thị D rút một phần kháng cáo đối với khoản tiền 100.000.000 đồng vay ngày 15/4/2018 và thống nhất với ý kiến của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Bùi Thị H đối với hai khoản vay ngày 14/01/2018 và 28/01/2018.

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với khoản tiền 100.000.000 đồng vay ngày 15/4/2018; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân

huyện Hàm Thuận Nam đối với hai khoản vay còn lại và buộc bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vắng mặt ông Huỳnh B nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thị H; vắng mặt bà Đỗ Diễm T và bà Kiều Hồng K1, nhưng bà T và bà K1 đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, xét thấy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo đề nghị của Kiểm sát viên và bà Bùi Thị H theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, Luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn bà Hà Thị D đều thừa nhận: Vào các ngày 14/01/2018, 28/01/2018 và 15/4/2018, bà Hà Thị D ký các “giấy mượn tiền” lần lượt vay của vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Huỳnh B số tiền 100.000.000 đồng (thời hạn trả tiền gốc là 03 tháng), 50.000.000 đồng (thời hạn trả tiền gốc là 02 tháng) và 100.000.000 đồng (thời hạn trả tiền gốc là 04 tháng). Tổng số tiền bà Hà Thị D vay của vợ chồng bà H, ông B là 250.000.000 đồng.

[2.2] Mặc dù thừa nhận có vay tiền như trên, nhưng bà D kháng cáo không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 14/01/2018 và khoản vay 50.000.000 đồng ngày 28/01/2018, với lý do các khoản vay này là do bà D vay dùm cho bà Đỗ Diễm T và bà Kiều Hồng K1; các khoản vay này bà T và bà K1 đã trả cho vợ chồng bà H, ông B.

[2.3] Tuy nhiên, bà D cũng như các đương sự khác đều không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh các khoản vay 100.000.000 đồng ngày 14/01/2018 và 50.000.000 đồng ngày 28/01/2018 này bà Đỗ Diễm T và bà Kiều Hồng K1 đã trả cho vợ chồng bà Bùi Thị H như lời khai của bà D. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2023, bà Đỗ Diễm T khai nhận không quen biết gì bà Bùi Thị H, không vay 100.000.000 đồng của bà Bùi Thị H và cũng không biết việc vay tiền giữa bà Hà Thị D và bà Bùi Thị H.

[2.4] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15/4/2018, bà D cho rằng bà vay giùm vợ chồng ông T1, bà T2; tại phiên tòa hôm nay, bà D rút kháng cáo, nên Kiểm sát viên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.5] Xét thấy các khoản vay nêu trên, bà Bùi Thị H thừa nhận chỉ cho một mình bà Hà Thị D vay, không liên quan đến chồng của bà D là ông Trần Công K, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị

H, buộc bà Hà Thị D phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà H, ông B 250.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.6] Do đó, bà D kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết, tài liệu, chứng cứ gì mới để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, nên kháng cáo của bà D không có cơ sở để chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.7] Quan điểm của Luật sư không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị D liên quan đến khoản tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) bà Hà Thị D vay của vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Huỳnh B theo “giấy mượn tiền” đề ngày 15/4/2018.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị D đối với khoản vay 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo “giấy mượn tiền” đề ngày 14/01/2018 và 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) theo “giấy mượn tiền” đề ngày 28/01/2018;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam.

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H: Buộc bà Hà Thị D phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Huỳnh B 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị H 6.250.000 đồng (*Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Bùi Thị H đã nộp theo Biên lai thu số 0006271 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

- Buộc bà Hà Thị D phải chịu 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Hà Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014603 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam; Bà Hà Thị D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/9/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện H.T.Nam;
- VKSND huyện H.T.Nam;
- Chi cục THADS huyện H.T.Nam;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái